

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần H Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1977; đăng ký thường trú: Số 288, tổ 12, ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1970; đăng ký thường trú: Tổ 8, ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/03/2022, bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn H chung sống từ tháng 11/1996, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện. Bà L, ông H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông H thiếu trách

nhệm với gia đình. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông H có 02 con chung là Nguyễn G, sinh ngày 28/02/1998 và Nguyễn D, sinh ngày 28/8/2006. Nay bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D. Cháu G đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Diễm.

Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Theo bản tự khai đề ngày 05/4/2022, bị đơn ông Nguyễn H trình bày:

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, con chung, việc không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông H cho rằng việc chung sống của cả hai không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà L yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng, ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H đồng ý giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/8/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung: Ông H và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn L, bị đơn ông Nguyễn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông H thống nhất trình bày: Hai người tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay, có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông H đồng ý với yêu cầu của bà L.

Xét thấy, bà L và ông H chung sống với nhau vào năm 1996. Quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân để trả tự do cho nhau. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà L, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, xét thấy bà L, ông H chung sống không có đăng ký kết hôn, nay yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân nên cần áp dụng Điều 53, Điều 9, khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông H có 02 con chung là Nguyễn G, sinh ngày 28/02/1998 và Nguyễn D, sinh ngày 28/8/2006. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Diễm. Ông H cũng đồng ý giao cháu D cho bà L nuôi. Tại biên bản lấy lời khai cháu D ngày 07/4/2022 cháu D khai có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó yêu cầu của bà L về quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà L và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà L và ông H là vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L đối với bị đơn ông Nguyễn H về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn L và ông Nguyễn H.

1.2. Về con chung:

- Giao cho bà Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/8/2006.

Ông Nguyễn H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Nguyễn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Con chung của bà Nguyễn L và ông Nguyễn H là Nguyễn G, sinh ngày 28/02/1998 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0004990 ngày 23/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn L, bị đơn Nguyễn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm Nguyễn Kim Lý

Phạm Thị Xuân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân